HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 16/2026/NQ-HĐND	*Cà Mau, ngày 14 tháng 5 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Cà Mau được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 355/TTr-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau thông qua dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Cà Mau được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 (sau thẩm tra); Báo cáo thẩm tra số 134/BC-HĐND ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 về Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Cà Mau được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3

"2. Thửa đất chưa có cơ sở hạ tầng thuận lợi về giao thông thủy, bộ là thửa đất tiếp giáp sông, kênh (mương) công cộng, rạch, hoặc tiếp giáp đường đất, đường có đá cấp phối (đã có lối đi nhưng đường chưa hoàn thiện).".

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 5

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1

a) Bổ sung điểm a

"a) Sửa đổi giá đất một số đoạn, tuyến đường trong Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Cà Mau được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND (kèm theo Phụ lục I);".

b) Bổ sung điểm b

"b) Sửa đổi tên gọi và giới hạn một số đoạn, tuyến đường trong Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Cà Mau được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND (kèm theo Phụ lục II);".

c) Bổ sung điểm c

"c) Bổ sung một số đoạn, tuyến đường chưa có giá đất vào Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Cà Mau được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND (kèm theo Phụ lục III);".

d) Bổ sung điểm d

"d) Bãi bỏ một số đoạn, tuyến đường trong Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Cà Mau được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND (kèm theo Phụ lục IV).".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c

"c) Các thửa đất có mặt tiền tiếp giáp sông, kênh (mương) công cộng, rạch hoặc tiếp giáp đường đất, đường có đá cập phối (đường có lối đi nhưng đường chưa hoàn thiện) được tính bằng giá đất ở chưa có cơ sở hạ tầng thuận lợi giao thông. Trường hợp có lộ giao thông cặp sông, kênh (mương) công cộng, rạch, thì giá đất ở được tính theo giá đất ở của tuyến đường được quy định tại bảng giá đất của các xã, phường. Vị trí các thửa đất này được áp dụng như vị trí đất ở tại đô thị và đất ở tại nông thôn được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết này;".

b) Sửa đổi, bổ sung điểm đ

"đ) Đối với thửa đất tiếp giáp mặt tiền nằm trên đoạn, tuyến đường mà có nhiều mức giá khác nhau, có sự chênh lệch thì vị trí thửa đất tiếp giáp đoạn, tuyến nào thì áp dụng giá theo đoạn, tuyến đường đó;".

c) Bổ sung điểm g

"g) Trường hợp thửa đất tiếp giáp với đường cao tốc, thì không được xem là thửa đất tiếp giáp hạ tầng (do Đường cao tốc là đường giao thông đặc biệt, thường không cho đấu nối trực tiếp từ thửa đất ra cao tốc và không được mở lối ra trực tiếp);".

d) Bổ sung điểm h

"h) Đối với thửa đất có vị trí đặt biệt tại vòng xoay ngay ngã ba, ngã tư thì vị trí được xác định tương tự như thửa đất tiếp giáp hai tuyến đường trở lên (phạm vi xác định được tính từ bán kính cong của vòng xoay).".

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 6

"a) Vị trí 1: Thửa đất tiếp giáp mặt tiền (trong phạm vi 60 mét đầu), tính 100% mức giá quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị quyết này".

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 5 năm 2026.

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính về đất đai đã được tiếp nhận đầy đủ, hợp lệ trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành nhưng chưa có giá đất thì áp dụng giá đất theo quy định tại Nghị quyết này.

2. Đối với hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính về đất đai đã được tiếp nhận đầy đủ, hợp lệ, đã được cơ quan có thẩm quyền thông báo thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền chuyển mục đích sử dụng đất trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, thì áp dụng giá đất theo quy định tại Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của HĐND tỉnh về Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Cà Mau được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026. Trường hợp, chưa được cơ quan có thẩm quyền thông báo thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền chuyển mục đích sử dụng đất, thì áp dụng theo giá đất quy định tại Nghị quyết này.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện và công bố Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Cà Mau được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa XI, Kỳ họp thứ 2 (chuyên đề) thông qua ngày 14 tháng 5 năm 2026.

CHỦ TỊCH

Phạm Văn Thiều

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Phụ lục I

SỬA ĐỔI GIÁ ĐẤT MỘT SỐ ĐOẠN, TUYẾN ĐƯỜNG TRONG BẢNG GIÁ ĐẤT LẦN ĐẦU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU ĐƯỢC ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026 BAN HÀNH KÈM THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 16/2025/NQ-HĐND NGÀY 09 THÁNG 12 NĂM 2025 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2026/NQ-HDND ngày 14 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

I. ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ (07 đoạn, tuyến)

1. Phường Tân Thành (02 đoạn, tuyến đường)

a) Các đoạn, tuyến đường trên địa bàn phường Tân Thành

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	STT theo bảng giá lần đầu	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
			Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	21	Nguyễn Văn Lang	Cống Kênh Mới giáp TTVH phường Tân Thành (hướng đi về kênh Đường Đào)	Trạm xăng dầu Biên Phòng	1.000
2	81	Ngô Gia Tự	Đường số 3 (đường 30/4 nối dài)	Huỳnh Ngọc Điệp	15.800

2. Phường Lý Văn Lâm (03 đoạn, tuyến đường)

a) Các đoạn, tuyến đường trên địa bàn phường Lý Văn Lâm

1	40	Kênh xáng Lương Thế Trân	Đầu Vàm kênh xáng (Bờ đông)	Giáp ranh thành phố Cà Mau cũ	810
2	54	Đường Kênh Rạch Rập (phía Đông)	Ranh xã Lý Văn Lâm cũ	Kênh xáng Lương Thế Trân	1.800
3	55	Đường Kênh Rạch Rập (phía Tây)	Ranh xã Lý Văn Lâm cũ	Kênh xáng Lương Thế Trân	1.500

3. Phường Bạc Liêu (02 đoạn, tuyến đường)

1	137	Đường Trà Uôl	Trần Bình Khuôl (tên cũ: Đường vào trạm Vật lý Địa cầu (Đường số 11 DA Bến xe))	Ranh Phường 8 cũ	1.500

STT	STT theo bảng giá lần đầu	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
			Từ	Đến	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
2	138	Đường Trà Uôl	Đầu đường Trà Uôl	Giáp ranh xã Vĩnh Lợi (tên cũ: Giáp ranh Thị trấn Châu Hưng - Vĩnh Lợi)	1.200
II. ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN (16 đoạn, tuyến)					
1. Xã Tân Thuận (01 đoạn, tuyến)					
1	25	Tuyến đường dẫn cầu Gành Hào	Giao trục lộ Đông -Tây	hết địa phận xã	700
2. Xã Khánh An (03 đoạn, tuyến đường)					
1	96	Tuyến đường D6	Cổng vào cống Rạch Nhung	Đường N1	950
2	97	Tuyến đường N1	Võ Văn Kiệt	Sông Ông Đốc	950
3	43	Đường Võ Văn Kiệt	Kênh Lũy	Cầu Khánh An	5.000
3. Xã Khánh Bình (02 đoạn, tuyến)					
1	73	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ > 2m đến ≤ 3m			350
2	74	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ > 3m			500
4. Xã Đá bạc (02 đoạn, tuyến)					
1	105	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ > 2m đến ≤ 3m			200
2	106	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ > 3m			240
5. Xã Sông Đốc (02 đoạn, tuyến)					
1	136	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ > 2m đến ≤ 3m			340
2	137	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ > 3m			400

STT	STT theo bảng giá lần đầu	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
			Từ	Đến	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
6. Xã Cái Đôi Vàm (03 đoạn, tuyến đường)					
1	63	Đường Phan Ngọc Hiển nối dài	Cầu cơi 5	Nhà bà Trần Thị E (Khóm 4)	1.200
2	64	Đường bêtông	Đầu Cầu Cơi 5 (Huỳnh Thị Tươi)	Cách đường Nguyễn Việt Khái 30m (Khóm 3)	2.400
3	105	Đường Phan Ngọc Hiển	Từ Cầu dự án	Kênh cơi 5	1.200
7. Xã Long Điền (01 đoạn, tuyến)					
1	42	Đê Biển Đông (Ấp Gò Cát)	Bắt đầu từ ngã 3 Chùa Linh Ứng (đê Biển Đông)	Đến giáp ranh xã Đông Hải	800
8. Xã Phước Long (02 đoạn, tuyến)					
1	162	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ > 2m đến ≤ 3m			350
2	163	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ > 3m			400

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục II

SỬA ĐỔI TÊN VÀ GIỚI HẠN MỘT SỐ ĐOẠN, TUYẾN ĐƯỜNG TRONG BẢNG GIÁ ĐẤT LẦN ĐẦU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU ĐƯỢC ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026 BAN HÀNH KÈM THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 16/2025/NQ-HĐND NGÀY 09 THÁNG 12 NĂM 2025 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 16 /2026/NQ-HDND ngày 14 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

I. ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ (20 đoạn, tuyến)

1. Phường An Xuyên (04 đoạn, tuyến)

b) Các đoạn, tuyến đường tại các khu dân cư trên địa bàn phường An Xuyên

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	STT theo bảng giá lần đầu	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
			Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Khu tiểu thủ công nghiệp An Xuyên (Khu B)				
1	37	Đường số 14	Đường số 15 (tên cũ Đường số 05)	Đường số 01 (Khu D)	6.400
	Khu nhà ở xã hội phường 4, phường 9				
2	42	Đường số 11 (tên cũ: Đường số 6)	Toàn tuyến		6.400
	Khu tái định cư thuộc khu Hành chính văn hóa, Thể thao và Dịch vụ tỉnh Cà Mau tại phường 1, thành phố Cà Mau				
3	74	Đường số 13 (tên cũ: Đường số 10)	Toàn tuyến		10.088
	Khu dân cư Khu D. Phường Tân Xuyên (cũ)				
4	138	Đường số 11	Toàn tuyến (tên cũ: Đường số 07)		7.800

STT	STT theo bảng giá lần đầu	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
			Từ	Đến	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
2. Phường Tân Thành (05 đoạn, tuyến)					
a) Các đoạn, tuyến đường trên địa bàn phường Tân Thành					
1	120	Chung Thành Châu	Hùng Vương (tên cũ: Trần Hưng Đạo)	Đường số 03 thuộc khu dân cư Hồ Chợ phường 5 (đường 30/4 nối dài) (tên cũ: Hùng Vương)	12.000
2	128	Đường Bà Triệu	Đường 3/2	Đường Mậu Thân (tên cũ: Đường Nguyễn Bỉnh)	12.000
3	142	Đường Danh Thị Tươi	Tôn Đức Thắng	Dương Thị Cẩm Vân (tên cũ: Ngô Gia Tự)	11.000
b) Các tuyến đường tại các khu dân cư trên địa bàn Phường Tân Thành					
	Dự án nhà ở Thương mại An Sinh				
1	42	Đường số 23	Đường số 1	Hết ranh dự án (tên cũ: Đường số 6)	7.300
2	45	Đường số 27	Đường số 14	Hết ranh dự án (tên cũ: Đường số 6)	5.800
3. Phường Hòa Thành (03 đoạn, tuyến)					
1	18	Đường Cà Mau - Đầm Dơi (đoạn 2 chiều) (tên cũ: Đường Cà Mau - Đầm Dơi)	Đường Hải Thượng Lãn Ông	hết đoạn 2 chiều	9.600
2	47	Đường số 11 (tên cũ:Đường Cà Mau - Đầm Dơi (đoạn 2 chiều))	Hải Thượng Lãn Ông (tên cũ: Ranh phường 6)	Cống Hộp (qua kênh Cống Đôi) (tên cũ: Giáp ranh phường 7 (Cống Hộp qua kênh Cống Đôi))	5.900
3	48	Đường Cà Mau - Đầm Dơi (đoạn 1 chiều) (tên cũ: Đường Cà Mau - Đầm Dơi)	hết đoạn 2 chiều (tên cũ: Ranh phường 7)	Vòng xoay cầu Hòa Trung (hai bên tuyến)	1.500
4. Phường Lý Văn Lâm (01 đoạn, tuyến)					
b) Các đoạn, tuyến đường tại các khu dân cư trên địa bàn xã Lý Văn Lâm					
1	55	Đường số 04	đường số 07	Đường Ninh Bình (tên cũ: Đường số 6C)	4.500

STT	STT theo bảng giá lần đầu	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
			Từ	Đến	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
5. Phường Giá Rai (02 đoạn, tuyến)					
1	45	Đường Hộ Phòng - Gành Hào	Cầu Lộ cũ (tên cũ: Giáp ranh Phường 1 (cũ))	Giáp ấp Đầu Lá xã Long Điền	2.000
2	245	Các đoạn, tuyến đường còn lại đã đầu tư hạ tầng có chiều rộng lớn hơn 2m đến ≤ 3m (tên cũ: Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng ≤ 2m)			480
6. Phường Láng Tròn (03 đoạn, tuyến)					
1	10	Đường dân sinh cầu Láng Tròn (khóm 1) (tên cũ: Đường dân sinh cầu Láng Tròn (khóm 3)	Quốc lộ 1 (cống Đốc Bét)	Ranh phía bắc nhà ông Cao Văn Ghê	400
2	11	Đường dân sinh cầu Láng Tròn (khóm 1) (tên cũ: Đường dân sinh cầu Láng Tròn (khóm 3)	Quốc lộ 1 (chùa Hưng Phương Tự)	Cống Xóm Lung	400
3	12	Đường dân sinh cầu Láng Tròn (khóm 2) (tên cũ: Đường dân sinh cầu Láng Tròn (khóm 3)	Quốc lộ 1 (cống Tư Hây)	Ngã 3 Thiết	400
7. Phường Bạc Liêu (01 đoạn, tuyến)					
1	133	Đường Trà Văn	Đầu lộ ngã 5 Vòng xoay	Ngã 3 tiếp giáp với hẻm 5 đường Nguyễn Văn Cừ (tên cũ: 60 m đầu (Tên cũ: 30m đầu))	4.600
8. Phường Hiệp Thành (01 đoạn, tuyến)					
1	1	Cao Văn Lầu (tên cũ: Cao Văn Lầu (Phía bên trái theo hướng từ cầu Kim Sơn ra biển))	giáp ranh phường Bạc Liêu và phường Vĩnh Trạch (ngã 3 đường Ninh Bình và đường Cao Văn Lầu)	Đường vào Tiểu đoàn 1	3.500

STT	STT theo bảng giá lần đầu	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
			Từ	Đến	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
II. ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN (95 đoạn, tuyến)					
1. Xã Tạ An Khương (02 đoạn, tuyến)					
1	11	Tuyến đường trục chính Đông - Tây (tên cũ: Tuyến Đông -Tây)	Cầu Mương Điều	Giáp xã Tạ An Khương Nam cũ (tên cũ: Giáp xã Tạ An Khương Nam)	900
2	23	Tuyến đường trục chính Đông - Tây (tên cũ: Tuyến đường trục chính Đông - Tây)	Giáp xã Tạ An Khương cũ (tên cũ: Toàn tuyến đi qua địa bàn xã Tạ An Khương)	Giáp xã Tân Thuận	600
2. Xã Trần Phán (01 đoạn, tuyến)					
1	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng ≤ 2m (tên cũ:'Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ < 2m)				220
3. Xã Sông Đốc (08 đoạn, tuyến)					
1	4	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Đất Chi nhánh Bảo Hiểm, ấp 1	Hết ranh đất Chùa Thiên Hậu, ấp 1 (tên cũ: hết ranh đất Chùa bà K1)	4.720
2	34	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm nhà ông Võ Thanh Sang, ấp 7 (tên cũ: hẻm nhà ông Phạm Thạnh Bình, ấp 7)	Hết ranh đất bà Lý Kim Lợi (tên cũ: hết ranh đất ông Trần Quốc Việt)	2.440
3	35	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Ranh đất ông Trần Văn Khánh, ấp 7 (tên cũ: ranh đất ông Đặng Văn Đang, ấp 7)	Hết ranh đất bà Triệu Thị Phụng, ấp 7 (tên cũ: hết ranh đất ông Trần Minh Hoàng, ấp 7)	2.770
4	39	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hàng rào bên trong xí nghiệp CBTS Sông Đốc	Lộ Trung tâm bờ Bắc Sông Đốc (tên cũ: Phạm Thanh Diệu, ấp 7)	2.770
5	55	Bờ Đông kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Ranh đất ông Kiều Minh Thành, Ấp 10	Hết ranh đất ông Trần Quang Tân, ấp 10 (tên cũ: Lộ Trung tâm bờ Bắc Sông Đốc)	1.500
6	57	Kênh xáng Nông Trường (2 bên)	Đất ông Trần Ngọc Minh, Ấp 10	Giáp kênh Nhiêu Đáo, ấp 12 (tên cũ: Giáp kênh Phủ Lý, Ấp 12)	1.250

STT	STT theo bảng giá lần đầu	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
			Từ	Đến	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
7	66	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng Nhỏ	Hẻm giáp ranh đất ấp 8,9 (bà Đoàn Thị Len), ấp 9 (tên cũ:Hẻm nhà bà Đoàn Thị Loan, Ấp 9)	Kênh xáng Nông trường, Ấp 9	800
	Khu đô thị dân cư ấp 9, bờ bắc Sông Đốc (Khu dân cư Quang Tiền)				
8	125	Đường số 35	Vòng xoay cầu Sông Ông Đốc (bờ Bắc)	Hết ranh đất khu dân cư ấp 9, bờ bắc Sông Đốc (khu dân cư Quang Tiền) (tên cũ: Ranh dự án Khu đô thị, dân cư Khóm 9).	10.000

4. Xã Đất Mới (05 đoạn, tuyến)

1	74	Khóm 3	Ranh đất ông Nguyễn Quang Huy (đường gom Cầu Kênh Tắc), (tên cũ: Đường Hùng Vương)	hết ranh đất ông Châu Vũ Trang (tên cũ: Huyện đội)	2.820
2	75	Ấp 3 (tên cũ: Khóm 3)	Đường Hùng Vương	Đến trụ sở khóm 3	3.530
3	76	Ấp 3 (tên cũ: Khóm 3)	Cầu Kênh Tắc cặp theo sông Cái Nai	Ranh đất công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Năm Căn	1.200
4	77	Ấp 3 (tên cũ: Khóm 3)	Cầu Kênh Tắc cặp theo sông Cái Nai	Trụ sở sinh hoạt Văn hóa khóm 3	1.550
5	78	Ấp 3 (tên cũ: Khóm 3)	Hết khu vực dãy 19 căn		1.270

5. Xã Năm Căn (01 đoạn, tuyến)

1	95	Ấp Hàng Vịnh	Cầu Kênh Xáng	Cầu ông Do (trừ đoạn qua khu tái định cư khu kinh tế Năm Căn) (tên cũ: cầu ông Do)	1.550

6. Xã Nguyễn Việt Khái (03 đoạn, tuyến)

1	15	Trung tâm chợ cái Bát (tên cũ: Các tuyến khác)	Đường về trụ sở UBND xã mới (Hướng Bắc)	Đến ngã ba giáp lộ Tiểu vùng X	560
2	32	Lộ Cái Nước - Cái Đôi Vàm	Cống Lung Heo	Cầu Bào Láng (tên cũ: Cống Mới)	250

STT	STT theo bảng giá lần đầu	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
			Từ	Đến	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
3	33	Tuyến Kênh Năm về chợ Cái Bát	Cầu Kênh 5	Cầu Cống Mới (tên cũ: không có)	210
7. Cái Nước (01 đoạn, tuyến)					
1	64	Hẻm số 4 (sau kho Thương nghiệp cũ), thị trấn Cái Nước cũ (tên cũ: Hẻm số 4 (sau kho Thương nghiệp cũ), xã Trần Thới cũ)	Lương Định của (tên cũ: Đường 2 tháng 9)	Hẻm số 2	1.590
8. Xã Ninh Quới (07 đoạn, tuyến)					
1	77	Lộ nông thôn (tên cũ: Kênh Tư Tào (đường phía Đông))	Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Vũ Phấn (tên cũ: Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Vũ Phường)	Đến hết ranh đất ông Trần Văn Xem	350
2	78	Lộ nông thôn (tên cũ: Kênh Tư Tào (đường phía Đông))	Cầu Bà Âu (tên cũ: từ cầu nhà bà Âu)	hết ranh đất ông Tám Thay (tên cũ: Nhà ông Tám Thay)	530
3	79	Lộ nông thôn (tên cũ: Kênh Tư Tào (đường phía Đông))	Ranh đất ông Cọp (tên cũ: Từ nhà ông Cọp)	Giáp ranh đất ấp Ninh An xã Hồng Dân	350
4	80	Lộ nông thôn (tên cũ: Kênh Tư Tào (đường phía Đông))	Ranh đất ông Trần Văn Bon (tên cũ: Từ đất nhà ông Trần Văn Bon)	hết ranh đất ông Nguyễn Văn Dũng (tên cũ: Nhà Nguyễn Văn Dũng)	350
5	81	Lộ nông thôn (tên cũ: Kênh Tư Tào (đường phía Đông)	Nhà Lý Hùng	Giáp ranh phường Mỹ Quới	280
6	82	Lộ nông thôn (tên cũ: Kênh Tư Tào (đường phía Đông))	Cầu Ba Gió	Giáp ranh đất ấp Tà Óc (tên cũ: Giáp ranh ấp Tà Óc)	350
7	83	Kênh Cô Cai (tên cũ: Kênh Tư Tào (đường phía Đông))	Từ cầu sắt	Hết ranh đất ông Trần Văn Hải	500
9. Xã Hồng Dân (22 đoạn, tuyến)					
1	22	Khu tái định cư ấp Nội Ô (tên cũ: Khu tái định cư, ấp Bà Hiên)	Đường Hai Bà Trưng (từ kênh xáng)	Đến rạch Ngan Dừa - Tà Ben	2.600
2	23	Khu tái định cư ấp Nội Ô (tên cũ: Khu tái định cư, ấp Bà Hiên)	Dãy nhà tiếp giáp hệ thống thoát nước vòng sau hậu đường Hai Bà Trưng		1.600

STT	STT theo bảng giá lần đầu	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
			Từ	Đến	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
3	24	Khu tái định cư ấp Nội Ô (tên cũ: Khu tái định cư, ấp Bà Hiên)	Dãy nhà dành cho hộ có thu nhập thấp (Lô III)		1.300
4	43	Ấp Thống Nhất, đoạn từ Cầu Kè đến lộ Thống Nhất II (tên cũ: Ấp Bà Gồng, đoạn từ Cầu kè đến lộ Thống Nhất II)	Bắt đầu từ đầu lộ (giáp lộ Thống Nhất)	Đến 60m	1.000
5	44	Ấp Thống Nhất, đoạn từ Cầu Kè đến lộ Thống Nhất II (tên cũ: Ấp Bà Gồng, đoạn từ Cầu kè đến lộ Thống Nhất II)	Bắt đầu từ 60m tiếp theo	Đường Trần Hưng Đạo (Tên cũ: Đến giáp lộ Thống Nhất II)	700
6	45	Ấp Thống Nhất, đoạn tư bến phà Ngan Dừa đến giáp ranh ấp Vĩnh An, xã Ninh Hòa (tên cũ: Ấp Bà Gồng, đoạn từ bến phà Ngan Dừa đến giáp ranh ấp Vĩnh An, xã Ninh Hoà)	Bắt đầu từ cầu Xẻo Vẹt (bến phà cũ)	Đến hết ranh đất ông Sáu Bùi	600
7	46	Ấp Thống Nhất, đoạn tư bến phà Ngan Dừa đến giáp ranh ấp Vĩnh An, xã Ninh Hòa (tên cũ: Ấp Bà Gồng, đoạn từ bến phà Ngan Dừa đến giáp ranh ấp Vĩnh An, xã Ninh Hoà)	Bắt đầu từ hết ranh đất ông Sáu Bùi	Đến hết ranh đất ông Trịnh Văn Tổng	500
8	47	Ấp Thống Nhất, đoạn tư bến phà Ngan Dừa đến giáp ranh ấp Vĩnh An, xã Ninh Hòa (tên cũ: Ấp Bà Gồng, đoạn từ bến phà Ngan Dừa đến giáp ranh ấp Vĩnh An, xã Ninh Hoà)	Bắt đầu từ cầu ông Ba Mậu	Đến giáp ranh ấp Vĩnh An, xã Ninh Hoà (cũ)	450
9	69	Ấp Nội Ô, đoạn Bắt đầu từ ranh đất ông Trần Văn Sót đến lộ Thống Nhất II (tên cũ: Khu III, đoạn Bắt đầu từ ranh đất ông Trần Văn Sót đến lộ Thống Nhất II)	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Dương Thị Bé Sáu	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Ngươi	2.000

STT	STT theo bảng giá lần đầu	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
			Từ	Đến	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
10	70	Ấp Nội Ô, đoạn Bắt đầu từ ranh đất ông Trần Văn Sót đến lộ Thống Nhất II (tên cũ: Khu III, đoạn Bắt đầu từ ranh đất ông Trần Văn Sót đến lộ Thống Nhất II)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Ngươi	Đến hết sân Tennis	1.400
11	71	Ấp Nội Ô, đoạn Bắt đầu từ ranh đất ông Trần Văn Sót đến lộ Thống Nhất II (tên cũ: Khu III, đoạn Bắt đầu từ ranh đất ông Trần Văn Sót đến lộ Thống Nhất II)	Bắt đầu từ hết ranh đất sân Tennis	Đến đường Trần Hưng Đạo (Tên cũ: Đến lộ Thống Nhất II)	1.000
12	77	Khu III, đoạn nối giữa dốc cầu Gia Diễn với đường Ngô Quyền (tên cũ: Ngan Dừa -Ninh Hòa - Ninh Quới)	Bắt đầu từ dốc cầu Gia Diễn	Đến ngã 4 đường Ngô Quyền	900
13	82	Ấp kênh xáng	Bắt đầu từ kênh thuỷ lợi ông Ca Văn Ngọc	cầu Bà Hiên (tên cũ: Đến giáp xã Ninh Hoà (Cầu bà Hiên))	600
14	91	Ấp Đầu Sấu Đông	Bắt đầu từ ranh đất nhà bà Thị Diện	cầu Lung Nia (tên cũ: Đến giáp ranh xã Ninh Hòa)	300
15	113	Đường ĐT 978 Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa - Vĩnh Lộc A (tên cũ: Tuyến lộ 63 (DT78))	Cầu 6.000 (Trạm Y tế) (tên cũ: Bắt đầu từ ranh đất Trạm Y tế)	Giáp ranh xã Ninh Quới (tên cũ: Đến Giáp ranh xã Ninh Quới A (Cầu 3.000))	500
16	114	Đường ĐT 978 Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa - Vĩnh Lộc A (tên cũ: Tuyến lộ 63 (DT78))	Bắt đầu từ cầu 6.000 (Ninh Thạnh II)	Đến hết ranh đất bà Lê Thị Hường (giáp cầu 7.000)	500
17	115	Đường ĐT 978 Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa - Vĩnh Lộc A (tên cũ: Tuyến lộ 63 (DT78))	Bắt đầu từ ranh đất ông Lê Văn Phi (cầu 7.000)	Đến Giáp ranh xã Lộc Ninh (hết ranh đất ông Trần Văn Bá)	500
18	127	Đường ĐH.04 - phía đông kênh Ngan Dừa (tên cũ: Tuyến Ninh Phước - Tà Óc - Ninh Thạnh 3)	Bắt đầu từ ranh đất ông Mười Sộp	Giáp ranh ấp bà Hiên (tên cũ: Đến Cầu Bà Hiên thị trấn Ngan Dừa)	400

STT	STT theo bảng giá lần đầu	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
			Từ	Đến	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
19	142	Tuyến Kênh Xáng Hoà Bình	Bắt đầu từ ranh đất ông Nguyễn Văn Hậu (giáp xã Phước Long, bờ Tây)	Giáp ranh xã Lộc Ninh cũ (đất ông Trần Văn Chánh (tên cũ: Đến Giáp ranh xã Lộc Ninh (đất ông Trần Văn Chánh))	300
20	145	Tuyến đường nhựa mặt đường 2m	ranh đất ông Nguyễn Văn Hồng (bờ đông) (tên cũ: Nguyễn Văn Hồng - Bờ Đông)	Đến hết ranh đất nhà bà Phan Thị Đẹp (ngã tư Sáu Bàng)	300
21	151	Ấp Tà Ky - Tuyến Xóm Lá	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Võ Hoàng Huynh	kênh 9.000 giáp ranh xã Lộc Ninh cũ (tên cũ: Đến kênh 9.000 giáp ranh xã Lộc Ninh)	300
22	153	Tuyến 9.000	ranh đất Công An huyện cũ (tên cũ: Bắt đầu từ ranh đất Công An Huyện)	Đến nhà ông Phan Út Lớn	300
10. Xã Vĩnh Lộc (09 đoạn, tuyến)					
1	7	Đường ĐT 978 Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa - Vĩnh lộc A (tên cũ: Chợ Cầu Đò)	Bắt đầu từ cầu Ngan Dọp	Đến Cầu nhà Võ Thị Á	500
2	9	Đường ĐT 978 Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa - Vĩnh lộc A (tên cũ: Đường Liên xã)	Bắt đầu từ ngã 3 - ranh đất ông Phạm Văn Sự	Đến Cầu Trắng Hoà Bình	600
3	10	Đường ĐT 978 Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa - Vĩnh lộc A (tên cũ: Đường Liên xã)	Bắt đầu từ cầu Trắng Hoà Bình	Đến Cầu Chùa Sơn Trắng	500
4	11	Đường ĐT 978 Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa - Vĩnh lộc A (tên cũ: Đường Liên xã)	Bắt đầu từ cầu Chùa Sơn Trắng	Đến Giáp xã Hồng Dân *(Tên cũ: Lộc Ninh)*	500
5	29	Tuyến Kênh Trạm Y Tế	Bắt đầu từ ranh đất nhà Bà Hạnh	Đến hết ranh đất nhà ông Định Văn Dũng (tên cũ: Đến hết ranh đất nhànhà ông Định Văn Dũng)	500

STT	STT theo bảng giá lần đầu	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
			Từ	Đến	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
6	30	Đường ĐT 978 Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa - Vĩnh lộc A (tên cũ: Lộ Mới đoạn nối Vĩnh Lộc - Vĩnh Lộc A)	Bắt đầu từ ranh đất nhà ông Dương Văn Ngọc	Đến hết ranh đất nhà ông Huỳnh Văn Phương	600
7	37	Đường ĐT 978 Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa - Vĩnh lộc A (tên cũ: Tuyến Bến Bào về Ba Đình)	Bắt đầu từ ranh đất ông Tiêu Chí Long	Đến hết ranh đất nhà ông Huỳnh Tỷ	600
8	38	Đường ĐT 978 Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa - Vĩnh lộc A (tên cũ: Tuyến Vĩnh Lộc-Vĩnh Lộc A)	Bắt đầu từ trụ sở UBND xã Vĩnh Lộc A cũ	Đến cầu nhà bà Võ Thị A *(Tên cũ: Đến cầu nhà Võ Thị A)*	500
9	41	Sông Cái Chanh (tên cũ: Sông Cá Chanh)	Bắt đầu từ ranh đất ông Tư Lan	Đến hết ranh đất ông Ngô Văn Sáng	300
11. Xã Gành Hào (4 đoạn, tuyến)					
1	1	Đường Phan Ngọc Hiển	Bắt đầu từ xí nghiệp Đông Lạnh (đoạn bờ kè)	cầu Rạch Cóc (gần bến xe Gành Hào) (tên cũ: Đến bến phà Rạch Cóc)	1.200
2	5	Đường Phan Ngọc Hiển	Bắt đầu từ cầu Chà Là (trên lộ)	cầu Rạch Cóc (gần bến xe Gành Hào) (tên cũ: Đến bến phà Rạch Cóc)	3.800
3	33	Đường ấp 3 (dãy sau)	Bắt đầu từ hồ nước cũ của Xí Nghiệp đông lạnh	Đến giáp tuyến đường ấp 3 (dãy trước), (tên cũ: Đến ngã huyện ủy)	1.000
4	34	Đường ấp 3 (dãy sau)	Bắt đầu từ nhà ông Toàn (Sửa xe), (tên cũ: Bắt đầu từ ngã 4 cửa hàng xe Thành Mỹ)	Đến sông Gành Hào	3.600
12. Xã Long Điền (11 đoạn, tuyến)					
1	10	Đường Long Điền Tiến	Bắt đầu từ đầu đường Long Điền Tiến (giáp Giáp đường Giá Rai - Gành Hào) (tên cũ: Bắt đầu từ đầu đường Long Điền Tiến (giáp Giáp Giá Rai - Gành Hào	Đến Cầu Ngã Tư	500

STT	STT theo bảng giá lần đầu	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
			Từ	Đến	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
2	11	Thạnh 2 - Cây Dương (tên cũ: Thạnh II - Cây Dương)	Bắt đầu từ cầu Ngã Tư	Đến Cầu Đường Đào	500
3	12	Hòa 1 - Đại Điền (tên cũ: Hòa I - Đại Điền)	Bắt đầu từ đầu đường Giá Rai - Gành Hào (tên cũ: Bắt đầu từ **dầu** đường Giá Rai - Gành Hào	Đến Cầu Thanh Niên	340
4	15	Đường Giá Cần Bảy	Bắt đầu từ đầu đường Giá Rai - Gành Hào	Đến giáp ranh Phường Giá Rai (tên cũ: Đến giáp ranh Phường 1)	340
5	19	Đường lộ cũ Cây Giang (tên cũ:Đường lộ cũ Cây **Gianng)**	Bắt đầu từ giáp lộ Chợ Cây Giang	Đến giáp ranh ấp 4, xã Đông Hải	340
6	22	Đường GTNT Hòa Thạnh - Thạnh 2, xã Long Điền (tên cũ: Đường GTNT Hòa Thạnh - Thạnh II, xã Long Điền)	Bắt đầu từ cầu Hòa Thạnh	Đến Long Điền Tiến, lộ nhựa	340
7	24	Đường Hộ Phòng-Gành Hào	Bắt đầu từ Ấp Đầu Lá (giáp ranh phường Giá Rai) (tên cũ: Bắt đầu từ Ấp Đầu Lá)	Đến cầu kênh Chùa ấp Cây Dương A	1.100
8	41	Đường dự án muối	Bắt đầu từ kinh Dân Quân	Đến trạm Bơm số 3 giáp đường Giồng Nhãn - Gò Cát (tên cũ: Đến trạm Bơm số 3)	500
9	45	Đê Trường Sơn - Gò Cát - Long Điền Đông	Từ giáp ranh xã Đông Hải	Đến kênh Huyện Kệ (tên cũ: Đến giáp ranh xã Đông Hải)	700
10	47	Đường vào khu dân cư xã Long Điền (tên cũ: Đường 2 dãy nhà thu nhập thấp (nhà ở xã hội))	Hết tuyến		2.200
11	52	Ấp Gò Cát	Giáp đường Giồng Nhãn – Gò Cát (nhà ông Cao Văn An)	Giáp Đê Biển Đông (trạm Kiểm Lâm) (tên cũ: Giáp Đê Trường SƠn (Trạm kiểm lâm))	500

13. Xã Vĩnh Mỹ (07 đoạn, tuyến)

1	2	Tuyến đường ấp 21 (tên cũ: Tuyến đường ấp 22)	Bắt đầu từ nhà ông Nghiêm	Đến nhà ông Thông	1.200

STT	STT theo bảng giá lần đầu	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
			Từ	Đến	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
2	3	Tuyến đường ấp 21 (tên cũ: Tuyến đường ấp 23)	Bắt đầu từ cầu xã Minh Diệu	Đến chùa Đìa Chuối đường đi xã Vĩnh Bình	500
3	38	Quốc lộ 1 (tên cũ: Quốc lộ 2)	Bắt đầu từ hết ranh đất Nhà thờ	Đến cầu số 2 (Cầu Cái Hưu)	3.600
4	39	Quốc lộ 1 (tên cũ: Quốc lộ 3)	Bắt đầu từ cầu số 2 (Cầu Cái Hưu)	Đến cầu số 3 (Cầu Vĩnh Mỹ)	3.600
5	40	Quốc lộ 1 (tên cũ: Quốc lộ 4)	Bắt đầu từ cầu số 3 (Cầu Vĩnh Mỹ)	Đến cầu Xóm Lung	2.900
6	51	Đường Chệt Niêu- Đồng Lớn 2 (tên cũ: Đường Chệt Niêu- Đồng Lớn 3)	Bắt đầu từ cầu Vĩnh Phong 21	Đến giáp ranh phường Láng Tròn (Tên cũ: Đến giáp ranh thị xã Giá Rai)	400
7	52	Đường Chệt Niêu- Đồng Lớn 2 (tên cũ: Đường Chệt Niêu- Đồng Lớn 4)	Bắt đầu từ cầu Nhà ông Thi	Giáp ranh thị xã Giá Rai	400
14. Xã Phong Hiệp (02 đoạn, tuyến)					
1	75	Tuyến đường ấp 9B	Bắt đầu từ kênh 2000, trên lộ (tên cũ: Bắt đầu từ kênh 4000, trên lộ)	Đến giáp xã Trí Phải.	580
2	76	Tuyến đường ấp 9B	Bắt đầu từ kênh 2000, dưới lộ (tên cũ: Bắt đầu từ kênh 4000, dưới lộ)	Đến giáp xã Trí Phải.	520
15. Xã Phước Long (03 đoạn, tuyến)					
1	15	Đường Yên Mô	Bắt đầu từ kênh Cộng Hòa	Đến kênh Tài Chính (kênh giữa) (tên cũ: Đến kênh Tài chính)	1.850
2	150	Tuyến đường dọc Kênh Tây Lác (tên cũ: Tuyến Kênh Tây Lác)	Bắt đầu từ cầu Tây Mập (nhà ông Tám Ý) (tên cũ: Bắt đầu từ Giáp ranh ấp Long Đức)	đến ngã tư kênh tư Hùng (nhà ông Châu Văn Nhanh) (tên cũ: đến ngã tư nhà ông Châu Văn Nhanh (Kênh Tư Hùng))	340
3	160	Tuyến đường Vành Đai thuộc ấp Phước Hòa A (tên cũ: Tuyến đường Cựa Gà (ấp Mỹ Tân)	Bắt đầu từ ngã ba Năm Cừ	Đến kênh 6.000 (nhà ông Phan Văn Đơ)	400

STT	STT theo bảng giá lần đầu	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
			Từ	Đến	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
16. Xã Vĩnh Phước (02 đoạn, tuyến)					
1	76	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ Cầu nhà Mười Lực (tên cũ: Bắt đầu từ Cầu nhà Mười Lực; Trên lộ)	Đến cầu Phó Sinh, trên lộ (tên cũ: Bắt đầu từ Cầu nhà Mười Lực; Trên lộ)	760
2	77	Khu vực xã Vĩnh Phú Tây cũ	Bắt đầu từ Cầu nhà Mười Lực (tên cũ: Bắt đầu từ Cầu nhà Mười Lực; Dưới lộ)	Đến cầu Phó Sinh, dưới lộ (tên cũ: Bắt đầu từ Cầu nhà Mười Lực; Dưới lộ)	650
17. Xã Châu Thới (07 đoạn, tuyến)					
1	4	Đường 19/5 (tên cũ: Đường 19/6)	Cách UBND xã 300 m về hướng Đền thờ Bác	Đến Đền Thờ Bác	850
2	14	Đường Cai Điều-Giồng Bướm A (tên cũ: Đường Cái Điều-Giồng Bướm A)	Bắt đầu từ ranh đất trường học Cai Điều	Đến cầu Giồng Bướm A (tên cũ: Đến cầu miễu Đá Trắng)	340
3	74	Đường Miếu Chủ Hai - 8 Hổ	Bắt đầu từ Miếu Chủ Hai	Đến hết ranh đất nhà ông Nhung (tên cũ: Đến hết ranh đất nhà Ông 8 Hổ)	340
4	104	Đường dẫn lên Cầu vượt Vĩnh Hưng (tên cũ: Đường dẫn lên Cầu Mới Vĩnh Hưng)	Bắt đầu từ Lộ Nấn Cua - Cầu Sập	Đến cầu Vĩnh Hưng (cầu vượt Vĩnh Hưng) (tên cũ: Đến cầu Mới Vĩnh Hưng)	1.100
5	106	Lộ Nguyễn Điền	Bắt đầu từ cầu Bà Dô	Đến giáp ranh thành phố Cần Thơ (tên cũ: Đến giáp ranh Sóc Trăng)	340
6	146	Đường tránh chợ Vĩnh Hưng	Bắt đầu từ đường Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa	Đến đường dẫn lên cầu vượt Vĩnh Hưng (tên cũ: Đến đường dẫn lên cầu vượt)	800
7	147	Đường D7	Bắt đầu từ giáp đường Cầu Sập - Ninh Quới - Ngan Dừa	Đến đường tránh chợ Vĩnh Hưng (tên cũ: Đến cuối tuyến)	800

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Phụ lục III

BỔ SUNG MỘT SỐ ĐOẠN, TUYẾN ĐƯỜNG CHƯA CÓ GIÁ ĐẤT VÀO BẢNG GIÁ ĐẤT LẦN ĐẦU TIÊN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU ĐƯỢC ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01/01/2026 BAN HÀNH KÈM THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 16/2025/NQ-HĐND NGÀY 09 THÁNG 12 NĂM 2025 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2026/NQ-HĐND ngày 14 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

I. ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ (10 đoạn, tuyến)

1. Phường Tân Thành (02 đoạn, tuyến)

a) Các đoạn, tuyến đường trên địa bàn phường Tân Thành

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
1	Tuyến tránh Quốc lộ 1A	cầu vượt	Lý Thường Kiệt (2 nhánh rẽ)	2.400
b) Các tuyến đường tại các khu dân cư trên địa bàn Phường Tân Thành				
	Dự án nhà ở thương mại An Sinh			
2	Đường số 11	Đường số 10	Đường số 12	5.800
2. Phường Hòa Thành (01 đoạn, tuyến)				
1	Huỳnh Thúc Kháng	Hết Ranh phường 7 cũ	Ngã ba nối với đường Cà Mau - Hòa Thành	2.400
3. Phường Lý Văn Lâm (01 đoạn, tuyến)				
1	Đường Trương Phùng Xuân	Bến phà Bà Cai	Miếu bà Thủy Long	2.100
4. Phường Bạc Liêu (05 đoạn, tuyến)				
1	Chùa Khơme	cầu Chùa Khơme	Giáp ranh phương 7 cũ	1.500

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
2	Đường Trà Khứa	Cầu Đúc	Giáp ranh Vĩnh Lợi	1.300
3	Lê Duẩn (Giao Thông cũ)	Tôn Đức Thắng	Cách Mạng	11.000
4	Trà Văn	Ngã 3 tiếp giáp hẻm 5 đường Nguyễn Văn Cừ	hết đường nhựa (có ranh trên bản đồ chính quy)	2.900
5	Trà Văn	hết đường nhựa (có ranh trên bản đồ chính quy)	đường Cách Mạng	1.500
5. Phường Giá Rai (01 đoạn, tuyến)				
1	Phùng Ngọc Liêm (đường Huyện đội)	Quốc lộ 1A	Hết đường Bệnh viện mới	800
II. ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN (55 đoạn, tuyến)				
1. Xã Khánh Bình (01 đoạn, tuyến)				
1	Lộ Tắc Thủ - Sông Đốc (Trong đê)	Từ cống Rạch Bào (Đất ông Nguyễn Văn Thám)	Vàm Ông Bích	1.220
2. Xã Sông Đốc (14 đoạn, tuyến)				
1	Bờ Tây kênh Rạch Ruộng nhỏ	Hẻm nhà bà Võ Ánh Nguyệt, ấp 7	Hết ranh đất ông Phan Hùng Phi, ấp 7	1.000
2	Bờ Nam Sông Đốc	Cầu kênh Thủy Lợi, ấp 6B	Hết ranh đất bà Võ Thị Thi, ấp 6B	2.000
	Khu đô thị dân cư ấp 9, bờ bắc Sông Đốc (Khu dân cư Quang Tiền)			
3	Đường số 35	Đường số 29	Đường số 26	10.000
4	Đường số 36	Đường số 58	Đường số 26	5.500
5	Đường D1	Đường số 58	Đường số 26	6.000
6	Đường D2	Đường số 58	Đường N1	6.000

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
7	Đường D3	Đường số 58	Đường N1	6.000
8	Đường N1	Đường D1	Đường số 32	6.000
9	Đường số 26	Đường số 36	Đường số 32	5.500
10	Đường số 29	Đường số 35	Đường số 32	5.500
11	Đường số 32	Đường số 58	Đường số 26	5.500
12	Đường số 58	Đường số 36	Đường số 32	7.000
	Khu tái định cư ấp 6B			
13	Đường số 01	Toàn tuyến		4.000
14	Đường số 02	Toàn tuyến		3.300
3. Xã Trần Văn Thời (01 đoạn, tuyến)				
1	Tuyến lộ trung tâm xã Phong Điền cũ	Lộ nhựa tiếp giáp sông Ông Đốc	ngã ba tuyến lộ Phong Lạc - Phong Điền	1.740
4. Xã Thới Bình (01 đoạn, tuyến)				
1	Lộ Rạch Bà Đặng (Bờ Bắc)	Ranh thị trấn Thới Bình cũ	Kênh Tân Phong (ngã tư Ngọn Cại)	440
5. Xã Năm Căn (21 đoạn, tuyến)				
1	Ấp Hàng Vịnh	Cầu Kênh Xáng	Cầu ông Do (đoạn qua khu tái định cư khu kinh tế Năm Căn)	2.500
2	Ấp Cá Nẩy	Cầu Trung Đoàn	Cầu Chiệt Còm	2.600
3	Ấp Cá Nẩy	Cầu Lương thực	Cầu Công an	2.600
4	Ấp Cá Nẩy	Cầu Chiệt Còm	Hẻn nhà ông Bảy Phái (dọc theo tuyến sông)	840
5	Ấp Cá Nẩy	Hẻn nhà ông Bảy Phái (dọc theo tuyến sông)	Hẻm Cống chợ (dọc theo tuyến sông)	840

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
6	Ấp Cà Nẩy	Cầu Tàu	Trước UBND xã Hàng Vịnh cũ	1.880
7	Ấp Cà Nẩy	Hẻm cống chợ	Hết ranh đất ông Phạm Văn Dũng (dọc theo tuyến sông)	690
8	Ấp Cà Nẩy	nhà ông Lương Minh Danh (Hẻm cống chợ)	lộ Liên xã	880
9	Ấp Cà Nẩy	Lộ nhánh nhà ông Hoài Nhơn	lộ Liên xã	880
10	Ấp Cà Nẩy	Sân bóng Hoài Nhơn	Kênh xáng Cái Ngay	880
11	Ấp Cà Nẩy	Hết ranh đất ông Nguyễn Tấn Tài	đầu tuyến tránh	500
12	Ấp Cà Nẩy	đầu tuyến tránh	Kênh xáng Điển Hình	300
13	Ấp Cà Nẩy	Kênh xáng Điển Hình	Giáp ranh đất Hàm Rồng	280
14	Đường ô tô về trung tâm xã Hàng Vịnh cũ	Cầu Lương thực	Cầu Công an	2.800
	Khu TĐC khu kinh tế Năm Căn			
15	Đường số 2	Toàn tuyến		2.500
16	Đường số 3	Toàn tuyến		2.500
17	Đường số 4	Toàn tuyến		1.600
18	Đường số 8-3	Đường số 2	Đường số 3	2.000
19	Đường số 17	Toàn tuyến		1.600
20	Đường số 18	Toàn tuyến		1.600
21	Đường số 19	Toàn tuyến		2.000

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
6. Xã Phú Tân (01 đoạn, tuyến)				
1	Đường số 01	Trường tiểu học Phú Tân	hết ranh trường tiểu học Kim Đồng	2.730
7. Xã Nguyễn Việt Khái (04 đoạn, tuyến)				
1	Tuyến lộ tiểu vùng X	Cống Bào Chấu	Trung tâm chợ Cái Bát (ngã ba đất ông Tăng Văn Tệt)	250
2	Tuyến lộ tiểu vùng X	Trung tâm chợ Cái Bát (ngã ba đất ông Tăng Văn Tệt)	Cống Lung Bồn	350
3	Tuyến lộ tiểu vùng X	Cống Lung Bồn	Cầu Vàm Đình	250
4	Đường vào trụ sở xã Nguyễn Việt Khái	Ngã ba lộ cấp IV	Ngã ba lộ tiểu vùng X	1.200
8. Xã An Trạch (01 đoạn, tuyến)				
1	Đường Ấp Quyết Thắng	Bắt đầu từ Cầu Giá Rít	Đến đường Hộ Phòng - Gành Hào	400
9. Xã Vĩnh Mỹ (03 đoạn, tuyến)				
1	Đường An Thành (rạch Đìa Chuối - giáp ranh xã Minh Diệu cũ)	cầu Thanh Niên	hết ranh đất nhà ông Út Hậu	340
2	Đường ấp 33 (phía bờ Tây)	Ranh đất nhà ông Đèo	hết ranh đất nhà ông Xiêm	400
3	Đường ấp Trà Co - Hậu Bối I	Ranh đất nhà ông Hai Kía	hết ranh đất ông Thái Hoàng Giang	400
10. Xã Phước Long (03 đoạn, tuyến)				
1	Đường ngang khu hành chính	Công an xã	xã Đội	1.140

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
2	đường cầu Phước 3B (trường tiểu học C Vĩnh Phú Đông) đoạn đường dọc kênh Rọc Lá	Cầu phước 3B	Ngã tư kênh Tây Lác (nhà ông Nguyễn Văn Tạo	350
3	Đường dọc kênh Tây Lác	Kênh Hòa Bình	Ngã tư kênh Tư Hùng (nhà ông Nguyễn Văn Dữ)	340
11. Xã Vĩnh Phước (02 đoạn, tuyến)				
1	Khu vực cầu xã Thoàn	Cầu Xã Thoàn	Đến hết ranh trường tiểu học B, trên lộ	900
2	Khu vực cầu xã Thoàn	Cầu Xã Thoàn	Đến hết ranh trường tiểu học B, dưới lộ	800
12. Xã Châu Thới (03 đoạn, tuyến)				
1	Đường cầu sập - Ninh Quới - Ngan Dừa	Trạm Y tế xã Hòa Bình	Đường tránh chợ Vĩnh Hưng	1.100
2	Đường cầu sập - Ninh Quới - Ngan Dừa	Đường tránh chợ Vĩnh Hưng	Cầu 3 Phụng	1.400
3	Đường ông Giữ - ông Đồng	Cầu ông Giữ	nhà ông Đồng	300

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Phụ lục IV

BÃI BỎ MỘT SỐ ĐOẠN, TUYẾN ĐƯỜNG TRONG BẢNG GIÁ ĐẤT LẦN ĐẦU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU ĐƯỢC ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026 BAN HÀNH KÈM THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 16/2025/NQ-HĐND NGÀY 09 THÁNG 12 NĂM 2025 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 16 /2026/NQ-HĐND ngày 14 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

I. ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ (05 đoạn, tuyến)

1. Phường Tân Thành (02 đoạn, tuyến)

a) Các đoạn, tuyến đường trên địa bàn phường Tân Thành

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	STT theo bảng giá lần đầu	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
			Từ	Đến	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
1	127	Đường Nguyễn Bỉnh	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Bà Triệu	8.500
2	148	Đường Dương Thị Cẩm Vân	Phạm Ngọc Thạch	Mậu Thân (tên cũ: Vành đai 2)	10.100
2. Phường Hòa Thành (01 đoạn, tuyến)					
1	19	Đường Cà Mau - Đầm Dơi (phường 7)	Đoạn 1 chiều		1.500
3. Phường Bạc Liêu (01 đoạn, tuyến)					
1	37	Ngô Gia Tự	Hoàng Diệu	Miếu Bà Đen	24.500
4. Phường Láng Tròn (01 đoạn, tuyến)					
1	44	Thành các tuyến đường trong Khu dân cư khóm 3 (từ đường số 1- số 4),	Quốc lộ 1 (khu dân cư khóm 3)	Đường số 3 (khu dân cư khóm 3)	820

STT	STT theo bảng giá lần đầu	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
			Từ	Đến	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
II. ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN (11 đoạn, tuyến)					
1. Xã Sông Đốc (03 đoạn, tuyến)					
1	127	Tuyến đường số 1 Khu tái định cư khóm 6B, Sông Đốc (tuyến đường bờ Nam, 2 bên)	Ranh đất ông Ngô Minh Đương, khóm 6A, thị trấn Sông Đốc	Đê biển Tây, khóm 6B, thị trấn Sông Đốc	-
2	128	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ >3 m			400
3	129	Các tuyến lộ Bê tông trong thị trấn từ 1m - 1,5m			340
2. Xã Đất Mới (01 đoạn, tuyến)					
1	72	Ấp 3	Đường gom bên cầu Kênh Tắc (ranh đất ông Nguyễn Quang Huy)	Hết ranh đất ông Châu Vũ Trang	500
3. Xã Nguyễn Việt Khái (03 đoạn, tuyến)					
1	18	Lộ Cái Nước - Cái Đôi Vàm	Cầu Vàm Đình	Cầu kênh Đứng (2 bên)	340
2	19	Lộ Cái Nước - Cái Đôi Vàm	Cầu Vàm Đình	Cầu kênh Đứng (2 bên)	340
3	21	Lộ Cái Nước - Cái Đôi Vàm	Cầu kênh Đứng	Cầu Bào Láng (2 bên)	306
4. Xã Cái Nước (01 đoạn, tuyến)					
1	13	Đường 2 - 9	Nhà ông Chiến	Đường 30-4	2.600
5. Xã Tân Hưng (1 đoạn, tuyến)					
1	17	Tuyến đường về Trung tâm xã Đông Thới	Cầu 19/5	hết cụm dân cư ấp Kinh Lớn	560

STT	STT theo bảng giá lần đầu	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
			Từ	Đến	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
6. Xã Vĩnh Phước (02 đoạn, tuyến)					
1	22	Khu vực cầu xã Thoàn	Bắt đầu từ hết ranh chòm mã tại xã Thoàn; Trên lộ	Đến hết ranh Trường Tiểu học B (tên cũ: Đến hết ranh Trường Tiểu học A); Trên lộ	1.040
2	23	Khu vực cầu xã Thoàn	Bắt đầu từ hết ranh chòm mã tại xã Thoàn; Dưới lộ	Đến hết ranh Trường Tiểu học B (tên cũ: Đến hết ranh Trường Tiểu học A); Dưới lộ	800